TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1605/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-12-2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Nam
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2761/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1969, quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 246/5B25 đường X, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Bị đơn: Ông Nguyen Hoang M, sinh năm 1963, quốc tịch: Ca-na-đa.

Địa chỉ: AB T5L.4C1, Canada.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 26/4/2017, Bản tự khai ngày 13/6/2017 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Võ Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Nguyen Hoang M tự nguyện kết hôn vào năm 2011, Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 11/11/2011, Vào Sổ đăng ký kết hôn Số 3817 Quyển số 15 Ngày 15/11/2011 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Từ tháng 4/2016, bà và ông Nguyen Hoang M bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 9/2016, bà và ông Nguyen Hoang M hoàn toàn cắt đứt liên lạc với nhau. Nay do tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen Hoang M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà khai không có.

Theo Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 04/7/2017, được Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự ngày 01/8/2017, bị đơn là ông Nguyen Hoang M trình bày:

Ông và bà Võ Thị Thu T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 11/11/2011, Vào Sổ đăng ký kết hôn Số 3817 Quyển số 15 Ngày 15/11/2011 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống, ông và bà T không có tiếng nói chung, không thể chia sẻ được với nhau, dẫn đến việc giữa ông và bà T đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

Bà Võ Thị Thu T có Đơn xin vắng mặt.

Ông Nguyen Hoang M có yêu cầu được vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 26 tháng 4 năm 2017, bà Võ Thị Thu T có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Nguyen Hoang M. Do ông Nguyen Hoang M đang cư trú tại Ca-na-đa, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Võ Thị Thu T có Đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của vụ án, đồng thời bị đơn là ông Nguyen Hoang M cũng có yêu cầu được vắng mặt tại toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án theo Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 04/7/2017, được Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự ngày 01/8/2017, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Võ Thị Thu T và ông Nguyen Hoang M có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào

các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai của bà T và Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt của ông Nguyen Hoang M, hai bên thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà T và ông Nguyen Hoang M đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Nguyen Hoang M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thu T và ông Nguyen Hoang M đều khai trong thời kỳ hôn nhân hai bên không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị Thu T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Thị Thu T như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thu T và ông Nguyen Hoang M thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Thu T và ông Nguyen Hoang M chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 11/11/2011, Vào Sổ đăng ký kết hôn Số 3817 Quyển số 15 Ngày 15/11/2011 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thu T và ông Nguyen Hoang M đều khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034178, ngày 11/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Đối với bà Võ Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà T là 15 ngày, kể từ ngày bà T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Nguyen Hoang M vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông Nguyen Hoang M có ủy quyền cho bà Võ Thị Thu T được thay mặt ông Nguyen Hoang M nhận bản án, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Nguyen Hoang M là 01 tháng kể từ ngày bà T nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh